

CÔNG TY TNHH BẢO XƯƠNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại
công suất 5.000.000 đôi/năm; sản xuất gia công
bảo trì khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm

CHỦ CƠ SỞ (*)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHEN CHANG HE

MỤC LỤC

Chương I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Bảo Xương	5
2. Tên cơ sở:.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	14
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng	14
Chương II.....	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):.....	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):	17
Chương III	22
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có): ...	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):.....	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	32
3.1 Chất thải rắn sinh hoạt.....	32
3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	32
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	33
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có);	35
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	36
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	37
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	37
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)	37
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):.....	38
Chương IV	39
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	39
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):.....	39
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):.....	39

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	39
Chương V	42
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	42
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	42
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	42
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.	42
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):.....	43
Chương VI	43
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	43
Chương VII.....	46
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	46
Chương VIII.....	46
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	46
PHỤ LỤC BÁO CÁO	48

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxy sinh hóa
TNMT	: Tài Nguyên Môi Trường
COD	: Nhu cầu ôxy hóa học
SS	: Chất rắn lơ lửng
QCVN	: Quy Chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy ban nhân dân
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
HTXL	: Hệ thống xử lý
CTNH	: Chất thải nguy hại
BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
XLNT	: Xử lý nước thải
VN	: Việt Nam
TCVS	: Tiêu chuẩn vệ sinh
BYT	: Bộ y tế
GPMT	: Giấy phép môi trường
NĐ	: Nghị định
CP	: Chính phủ

DANH MỤC CÁC BẢNG,

Bảng 1. 1 Danh mục Máy móc sử dụng của công Công ty.....	6
Bảng 1. 2 Công suất các sản phẩm làm ra của Công ty	7
Bảng 1. 3 Các hạng mục công trình của dự án.....	14
Bảng 1. 4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất,	14
Bảng 1. 5 tính chất vật lý, hóa học các chất Công ty sử dụng	16
Bảng 1. 6 Kết quả quan trắc khí thải khu vực ép nhựa	18
Bảng 1. 7 Kết quả quan trắc khí thải khu vực đổ liệu.....	19
Bảng 1. 8 Kết quả quan trắc khí thải Khu vực ép nhựa	19
Bảng 1. 9 Kết quả quan trắc khí thải Khu vực Khu vực đổ liệu	20
Bảng 1. 10 Kết quả quan trắc khí thải tại Khu vực ép nhựa	20
Bảng 1. 11 Kết quả quan trắc khí thải tại Khu vực đổ liệu	21
Bảng 3. 1. Tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt.....	23
Bảng 3. 2. Hệ số tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông.....	27
Bảng 3. 3. Tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển. ...	27
Bảng 3. 4. Nồng độ các chất ô nhiễm phát tán trong không khí do	28
Bảng 3. 5 Khối lượng các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại công ty:	32
Bảng 3. 6 Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công ty.....	33
Bảng 4. 1 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	40
Bảng 4. 2 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	40
Bảng 5. 1 kết quả quan trắc nước thải năm 2021	42
Bảng 5. 2 kết quả quan trắc khí thải năm 2022	42

CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1 Quy trình sản xuất đế giày	8
Hình 1. 2 Hình: Quy trình sản xuất dép đũi.....	12
Hình 1. 3 Quy trình sản xuất khuôn mẫu	13

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Bảo Xương

- Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 43, khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Chen Changhe
- Điện thoại: 0274 3580806; Fax: 0274 3580806
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3702346646 cấp lần đầu ngày 05/03/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Tên cơ sở:

- Cơ sở sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại công suất 5.000.000 đôi/năm; sản xuất gia công bảo trì khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm
- Địa điểm cơ sở: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 43, khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- ❖ Phía Bắc giáp với vườn cao su
- ❖ Phía Nam giáp với công ty TNHH Xie Xin VN
- ❖ Phía Đông giáp với Công ty TNHH Gia Phúc
- ❖ Phía Tây giáp với nhà dân

Tọa độ của nhà máy theo hệ tọa độ VN 2000 như sau

Vị trí	X	Y
Phía Tây Bắc	0688868	1224125
Phía đông Bắc	0688863	1224187
Phía Đông Nam	0689032	1224119
Phía Tây Nam	0688884	1224164

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh khu vực dự án:

- + Cách Trung Tâm Hành Chánh tỉnh Bình Dương khoảng 4 km
- + Cách Ủy Ban nhân dân thị xã Bến Cát khoảng 10 km
- + Cách KCN Ủy ban nhân dân thành phố Thủ dầu Một khoảng 8 km.
- Khu đất Công ty nằm trong khu nhà xưởng Công ty CP Tân Thanh cách khu dân cư khoảng 200 m

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Dự án nằm trong khu nhà xưởng Tân Thanh đã được san lấp sơ bộ, có địa hình bằng phẳng. Đồng thời, cơ sở hạ tầng tiện ích công cộng như đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải đã được xây dựng và lắp đặt hoàn thiện theo quy hoạch của khu nhà xưởng.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có): Giấy phép xây dựng nhà xưởng số 1294/GPXD – SXD do Sở xây dựng tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/07/2014.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có): Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2725/QĐ-UBND do ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/10/2015.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Dự án đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2725/QĐ-UBND do ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/10/2015. Do đó dự án phải thực hiện xin cấp giấy phép môi trường theo điểm C khoản 3 điều 41 luật bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Cơ sở sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại công suất 5.000.000 đôi/năm; sản xuất gia công bảo trì khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Cơ sở sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại công suất 5.000.000 đôi/năm; sản xuất gia công bảo trì khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm

Bảng 1. 1 Danh mục Máy móc sử dụng của công Công ty

stt	Tên máy	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
Máy móc sử dụng cho sản xuất giày dép				
Dàn máy tạo hạt (dàn nhỏ)				
1	Máy đánh liệu	Cái	1	80%
2	Máy cán	Cái	1	80%
3	Máy tạo hạt	Cái	1	80%
4	Bồn trộn liệu	Cái	1	80%
5	Máy cán phế liệu	Cái	1	80%
6	Máy chặt cạnh	Cái	1	80%
7	Thùng sấy đế	Cái	5	80%
Máy móc sử dụng cho quá trình tạo hạt (dàn lớn)				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

8	Máy đánh liệu lớn	Cái	1	80%
9	Máy cán lớn	Cái	1	80%
10	Máy tạo hạt lớn	Cái	1	80%
11	Máy trộn lớn	Cái	1	80%
12	Máy ép lớn (8 máy ép)	Chuyên	2	80%
13	Máy ép nhỏ (6 máy ép)	Chuyên	2	80%
14	Máy nén khí	Cái	1	80%
Máy móc sử dụng cho sản xuất khuôn mẫu				
15	Máy phay	Cái	3	100%
16	Máy khoan	Cái	2	100%
17	Máy tiện	Cái	1	100%
18	Máy ép thủy lực	Cái	2	100%
19	Máy bắn lỗ	Cái	1	100%
20	Máy bắn điện	Cái	2	100%
21	Máy CNC	Cái	5	100%
	Tổng		36	

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

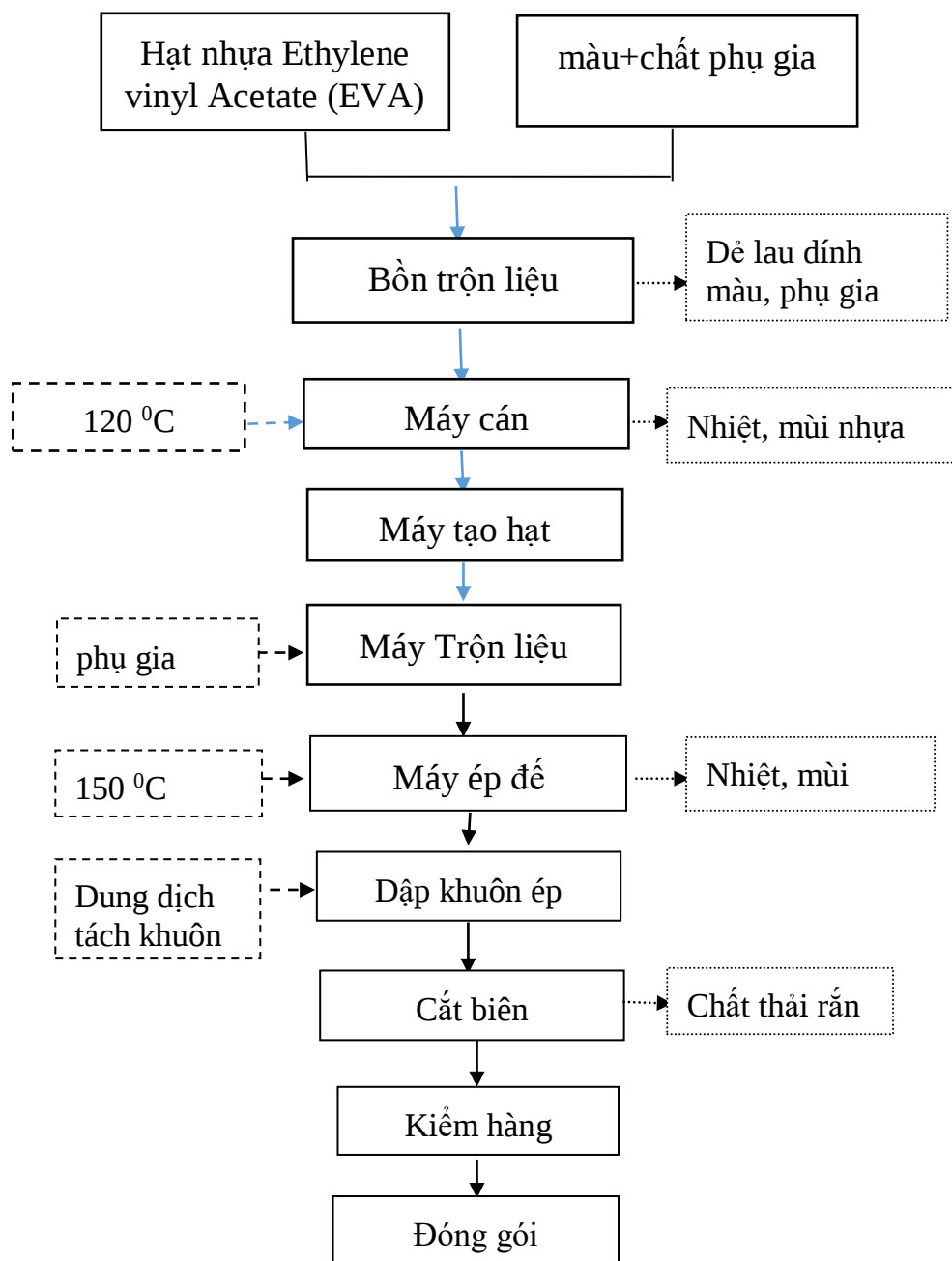
Sản phẩm của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 2 Công suất các sản phẩm làm ra của Công ty

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng Sản phẩm	Khối lượng nguyên liệu
01	Đế giày	đôi/năm	4.700.000	0,155 kg	1.240 tấn
02	Dép đúc	đôi/năm	300.000	0,307 kg	92 tấn
03	Khuôn mẫu	Bộ/năm	350.000	15 kg	5.250 tấn

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

a. Quy trình sản xuất đế giày



Hình 1. 1 Quy trình sản xuất đế giày

❖ **Thuyết minh quy trình**

Các mẫu đế giày được khách hàng thiết kế gửi mẫu hoặc Công ty thiết kế được chuyển xuống bộ phận sản xuất. Hạt nhựa công ty nhập về là hạt nhựa EVA (Ethylene vinyl Acetate) được cân theo số lượng phù hợp với đơn hàng khách đặt. Sau đó đưa vào máy trộn liệu máy này có tác dụng để trộn và nghiền cùng với màu, chất phụ gia cho điều các nguyên liệu. Sau đó hỗn hợp này đưa qua máy cán được gia nhiệt ở nhiệt độ 120 °C (dùng điện trở nhiệt) để nguyên liệu hạt nhựa tạo thành hỗn hợp nhựa dạng tấm. Các tấm nhựa này sẽ được tạo thành hạt nhựa qua máy tạo hạt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Tiếp theo hạt nhựa được cho qua máy phối trộn cùng với chất phụ gia để chuẩn bị cho công đoạn ép đế giày, hạt nhựa từ bồn trộn được bơm qua máy ép nóng (150°C) và lên khuôn ép tạo ra sản phẩm. Sản phẩm được làm nguội bằng cách công nhân nhúng vào thùng nước sạch. Sau đó sản phẩm qua máy cắt biên để cắt phần dư để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh. Sản phẩm được kiểm tra và đóng gói giao cho khách hàng.

Khuôn được phun chất tách để làm sạch cho quy trình tiếp theo bằng súng phun dưới áp lực của khí nén, cuối cùng khuôn được lau khô bằng giẻ lau.

- ❖ Quy trình sản xuất đế giày hiện tại có khác so với đề án chi tiết đã được phê duyệt: Theo quy trình sản xuất hiện nay Công ty đăng ký thì có thêm công đoạn cắt biên, Công ty bỏ công đoạn mài nhám đế giày, rửa đế, sấy khô.

✚ **Một số hình ảnh trong quá trình sản xuất được minh họa như sau:**



Hình: Máy trộn liệu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường



Hình: Máy cán hạt nhựa



Hình: dàn máy ép



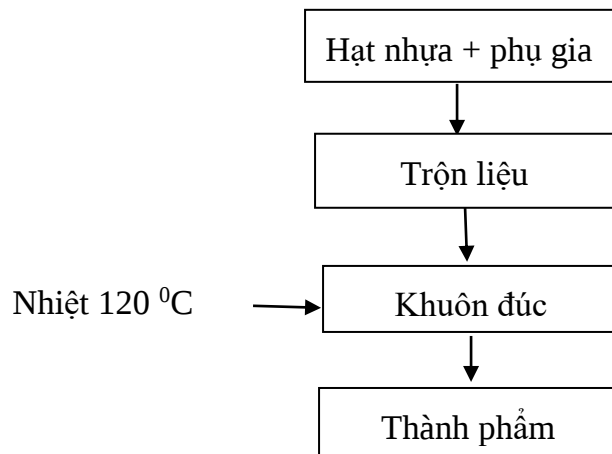
Hình: Hạt nhựa sau khi trộn liệu



Hình: Sản phẩm đế giày của Công ty

b. Quy trình sản xuất đế

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường



Hình 1. 2 Hình: Quy trình sản xuất dép đúc

✚ Thuyết minh quy trình:

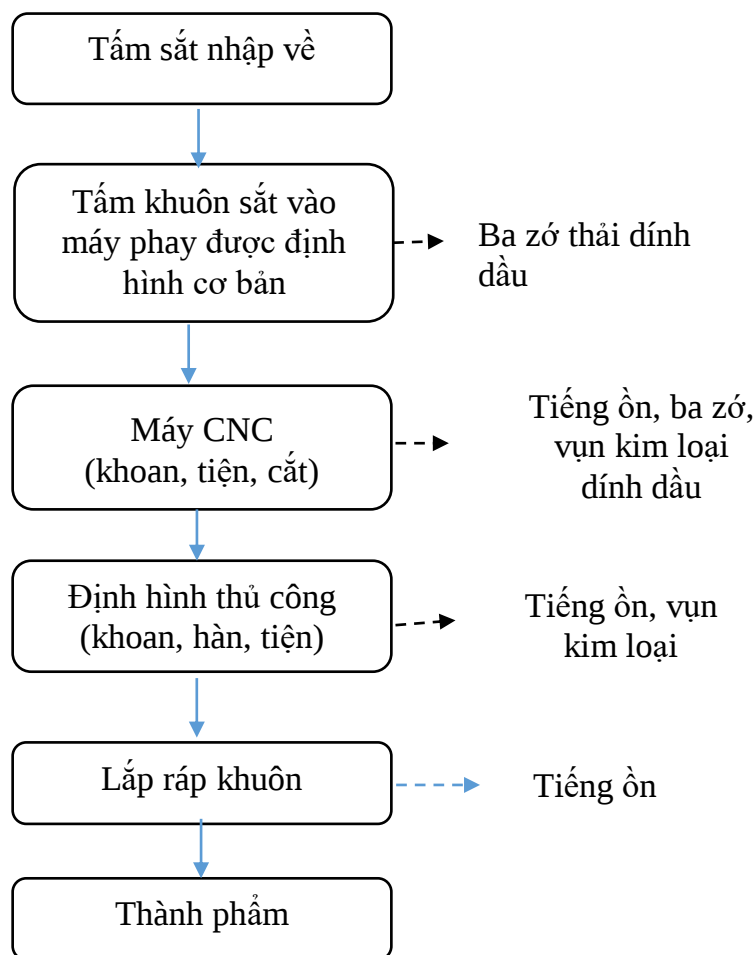
Hạt nhựa công ty mua về khi có đơn hàng công nhân tiến hành cân tỉ lệ hạt nhựa và chất phụ gia theo tỉ lệ nhất định. Sau đó được đưa vào máy phối trộn để trộn đều nguyên liệu. Nguyên liệu tiếp tục đưa vào máy ép khuôn. Tại đây hình dạng đôi dép được hoàn thành. Dép được làm mát tự nhiên và sau đó đóng gói giao cho khách hàng.



Hình: sản phẩm dép đúc của công ty

c. Quy trình sản xuất khuôn mẫu

Hiện tại, nhà xưởng sản xuất khuôn mẫu không thường xuyên. Tùy theo đơn hàng khách hàng đặt.



Hình 1. 3 Quy trình sản xuất khuôn mẫu

Thuyết minh quy trình:

Theo yêu cầu của khách hàng về mẫu mã khuôn sản phẩm, công ty tiến hành thiết kế mẫu mã theo đơn đặt hàng dựa vào chương trình lập trình CNC.

Tấm khuôn sắt đã được định hình cơ bản nhập về nhà máy được tạo vữa khuôn và gia công chi tiết bằng máy phay CNC. Tiếp đến nguyên liệu đưa vào máy CNC tiến hành khoan, tiện, cắt để định hình sản phẩm theo mẫu thiết kế, tiếp theo sản phẩm được đưa qua khâu hàn tiện bằng thủ công để xử lý phần kim loại thừa làm nhẵn bề mặt sản phẩm, công đoạn cuối cùng là lắp ráp ốc vít, định ốc vào để cố định sản phẩm. Sản phẩm được QC kiểm tra đóng gói lưu kho sau đó giao cho khách hàng.

Ghi chú: đối với quy trình sản xuất khuôn để giày có khác so với hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Hồ sơ đăng ký cấp giấy phép môi trường Quy trình sản xuất khuôn mẫu có thêm công đoạn khoan, tiện cắt bằng máy CNC và không có công đoạn đánh bóng.
- Máy phay sử dụng là loại máy phay được lập trình bằng máy CNC thực hiện trong chu trình khép kín. Bụi kim loại phát sinh trong máy và được thu gom tần suất 1 ngày/lần, không phát sinh bụi kim loại ra ngoài.

❖ Các hạng mục công trình của dự án

Bảng 1. 3 Các hạng mục công trình của dự án

stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
1	Nhà xưởng	3.998,6	Đã hoàn thành
2	Văn phòng	832,32	Đã hoàn thành
3	Nhà vệ sinh	16,66	Đã hoàn thành
4	Nhà chứa rác thải công nghiệp	12	Đã hoàn thành
5	Nhà chứa rác thải nguy hại	12	Đã hoàn thành

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, điện năng sử dụng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, điện năng sử dụng của cơ sở

Stt	Tên nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng đã đăng ký	Số lượng hiện tại
Nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho sản xuất đế giày				
Nguyên liệu				4.387
1	Hạt nhựa 7350	Tấn/năm	11.970	370
2	Hạt nhựa 7470	Tấn/năm	6.669	310
3	Hạt nhựa PF 810	Tấn/năm	2.850	270
4	Hạt nhựa BHS 808	Tấn/năm	11.732	382

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5	Màu các loại	Tấn/năm	-	50
6	Nước tách	Tấn/năm	-	3.000
8	Dầu thủy lực	Tấn/năm	-	0,8
9	Thùng carton	Tấn/năm	-	5
Phụ gia				7,8
1	AC 300 (chất không chế kích thước của đế)	Tấn/năm	3,780	1,3
2	ZNO (chất điều chỉnh nhiệt độ để giày)	Tấn/năm	3,780	1,5
3	ST (chất chống dính)	Tấn/năm	1,260	1
4	DCP (điều chỉnh độ đàn hồi)	Tấn/năm	1,260	1
5	R103 (chất ổn định màu không bị lem)	Tấn/năm	1,872	1
Nguyên liệu cho sản xuất khuôn mẫu				
1	Sắt	Tấn/năm		5.350
2	Ngũ kim	Tấn/năm		3
3	Dầu làm mát	Lít/năm		500
4	Dầu thủy lực	Lít/năm		500
5	Dầu cắt	Lít/năm		500
6	Dầu tia lửa điện	Lít/năm		600
7	Dầu ống trượt	Lít/năm		500
Điện, nước sử dụng				
1	Điện	Kwh/năm		1.260.000
2	Nước	M ³ /năm		3.028

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

Nước tách: Sản phẩm tách khuôn kết hợp giữa fluoride và silicone có khả năng tách khuôn. Sản phẩm tách khuôn, chống dính khuôn không chứa chất PFOA chất gây độc hại với môi trường.

Giẻ lau và thùng chứa nước tách được thu gom lưu trữ trong nhà chứa chất thải nguy hại.

❖ **Tính chất vật lý, hóa học của một số chất được thể hiện bằng sau:**

Bảng 1. 5 tính chất vật lý, hóa học các chất Công ty sử dụng

Tên chất	Tính chất vật lý	Tính chất hóa học	Công dụng
AC-3000	dạng bột màu vàng, không mùi, dễ cháy, ít hòa tan trong nước	Thành phần gồm Azodi carbonamide không gây hại cho cơ thể con người , nhưng hít phải quá nhiều , sẽ dẫn đến khó chịu trong dạ dày .	Chất tạo màu
CL-HM 68	Dầu trong suốt hoặc màu vàng, không mùi hoặc có mùi nhẹ, không hòa tan trong nước,	Thành phần dầu khoáng tinh chế và Axit phosphorodithioic, kích ứng da nhẹ, gây hại đường hô hấp nếu hít nhiều, thường xuyên	Dầu thủy lực dùng cho các máy có áp suất cao
7350M	là chất phụ gia, dạng bột, không mùi, khó cháy.	Sản phẩm này là được sản xuất bởi quá trình áp suất cao. Bằng cách kết hợp vinyl acetate (VA) vào chuỗi ethylene, quá trình áp suất cao tạo ra sự đồng trùng hợp với EVA. Không có tính độc hại	Là chất phụ gia Nó cung cấp tốt kháng hóa chất, độ đàn hồi và bền của đế giày

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

Nhu cầu về lao động: Theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt công ty có 97 công nhân viên. Trong đó, công nhân 90 người, nhân viên văn phòng 7 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

- Nhà xưởng hoạt động được thuê lại từ Công ty Cổ Phần Tân Thanh với diện tích 3.998,4 m² theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 04/2021-HĐKT ngày 05/03/2021 (*đính kèm phần phụ lục*). Nhà xưởng thuộc một phần của thửa đất số 153, tờ bản đồ số 43, khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất Công ty thuê lại được quy hoạch là đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Việc hoạt động của Công ty phù hợp với định hướng quy hoạch của tỉnh Bình Dương. Công ty sẽ mang lại những lợi ích không nhỏ cho địa phương như: Giải quyết việc làm, an sinh xã hội, thực hiện các nghĩa vụ về thuế, tăng trưởng kinh tế địa phương, ...

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Về nước thải:

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh của Công ty chủ yếu là nước thải sinh hoạt sau khi phân hủy tại bể tự hoại phát sinh khoảng 9 m³/ngày sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Tân Thanh.

- Nước thải sản xuất:

Chủ yếu phát sinh từ công đoạn làm mát đế giày (công nhân nhúng vào thùng nước để làm mát) với lưu lượng khoảng 1 m³/tuần, nước này được tái sử dụng nhiều lần không chứa thành phần nguy hại, chủ yếu là cặn lắng sử dụng sau một thời gian được thải bỏ và đầu nối vào hệ thống tại hố ga sau bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải về hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Tân Thanh.

Khu vực cơ sở đã có hệ thống thoát nước thải thoát ra đường ĐX 062. Lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh của Công ty được bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Tân Thanh tại khu C (công suất 80 m³/ngày.đêm) nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước Khu liên hợp- Công nghiệp – Dịch Vụ - Đô thị Bình Dương.

Về khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải của Công ty chủ yếu là Bụi, nhiệt độ, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, mùi nhựa (ethylen, vinyl aceta). Để đánh giá chất lượng khí thải tại khu vực Công ty đã tiến hành lấy mẫu và quan trắc như sau:

Tọa độ vị trí lấy mẫu như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Kí hiệu	Vị trí	Tọa độ
1	KK1	Khu vực đổ liệu	X=11,331 ; Y=106,3945
2	KK2	Khu vực ép đế giày	X= 11,327; Y= 106,3942

 Kết quả quan trắc lần 1

Bảng 1. 6 Kết quả quan trắc khí thải khu vực ép nhựa

Ngày lấy mẫu: 10/11/2022

Khu vực ép nhựa

TT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp lấy mẫu	Kết quả	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 22:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,4	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,5	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	69,7	-	-	-	40-80	-
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	365	-	-	-	-	≥300
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,321	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,289	-	10	-	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,342	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	HDLM-KK01	5,14	-	40	-	-	-
9	Ethylene	mg/m ³	Ống phát hiện nhanh(**)	20,7	-	-	-	-	-
10	Vinyl Acetat	mg/m ³	OSHA Method 51	31,5	-	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

Khu vực đổ liệu

Bảng 1. 7 Kết quả quan trắc khí thải khu vực đổ liệu

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 22:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	69,2	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	31,0	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	68,1	-	-	-	40-80	-
4	Ánh sáng	Lux	376	-	-	-	-	≥300
5	Bụi	mg/m ³	0,284	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	0,169	-	10	-	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,265	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	4,37	-	40	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

Kết quả quan trắc lần 2

Ngày lấy mẫu: 11/11/2022

Khu vực ép nhựa

Bảng 1. 8 Kết quả quan trắc khí thải Khu vực ép nhựa

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 22:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	77,1	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	30,8	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	70,5	-	-	-	40-80	-
4	Ánh sáng	Lux	371	-	-	-	-	≥300
5	Bụi	mg/m ³	0,346	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	0,301	-	10	-	-	-

7	SO ₂	mg/m ³	0,367	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	5,32	-	40	-	-	-
9	Ethylene	mg/m ³	25,1	-	-	-	-	-
10	Vinyl Acetat	mg/m ³	34,7	-	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

Khu vực đồ liệu

Bảng 1. 9 Kết quả quan trắc khí thải Khu vực đồ liệu

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 22:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	71,5	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	31,3	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	69,5	-	-	-	40-80	-
4	Ánh sáng	Lux	380	-	-	-	-	≥300
5	Bụi	mg/m ³	0,296	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	0,181	-	10	-	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,278	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	4,51	-	40	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

 **Kết quả quan trắc lần 3**

Ngày lấy mẫu: 12/11/2022

Khu vực ép nhựa

Bảng 1. 10 Kết quả quan trắc khí thải tại Khu vực ép nhựa

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 22:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	75,8	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	31,0	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	68,9	-	-	-	40-80	-
4	Ánh	Lux	367	-	-	-	-	≥300

	sáng							
5	Bụi	mg/m ³	0,335	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	0,294	-	10	-	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,355	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	5,27	-	40	-	-	-
9	Ethylene	mg/m ³	23,6	-	-	-	-	-
10	Vinyl Acetat	mg/m ³	32,1	-	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

Khu vực đồ liệu

Bảng 1. 11 Kết quả quan trắc khí thải tại Khu vực đồ liệu

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 22:2016/BYT
1	Độ ồn	dBA	70,3	-	-	≤85	-	-
2	Nhiệt độ	°C	31,5	-	-	-	18-32	-
3	Độ ẩm	%	67,6	-	-	-	40-80	-
4	Ánh sáng	Lux	374	-	-	-	-	≥300
5	Bụi	mg/m ³	0,275	8	-	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	0,173	-	10	-	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,259	-	10	-	-	-
8	CO	mg/m ³	4,45	-	40	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Quỳnh

Nhận xét: Các chỉ tiêu khí thải, bụi, tiếng ồn của nhà xưởng khu ép nhựa và khu đồ liệu trong 3 ngày liên tiếp đều đạt so với quy chuẩn cho phép: QCVN 03:2019/BYT giá trị giới hạn cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 22:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; QCVN 24:2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi. khí thải hơi dung môi phát sinh khu vực ép nhựa phát sinh không đáng kể và đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 3733/2002/QĐ/BYT. Chất lượng khí thải đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

Nhận xét: Nguyên liệu sử dụng của Công ty chủ yếu là hạt nhựa EVA. Nhiệt độ thực tế ở công đoạn gia nhiệt hạt nhựa là 120⁰C, công đoạn ép khuôn là 150⁰C điều thấp hơn ngưỡng chịu nhiệt của hạt nhựa (230⁰) nên khả năng phát sinh khí thải từ các công đoạn này là rất thấp.

Qua kết quả phân tích mẫu ta thấy nồng độ các chất hữu cơ bay hơi điều nằm trong quy chuẩn cho phép phát sinh mùi không nhiều và có thể dùng các biện pháp như quạt thông gió, quạt công nghiệp giúp phát tán bay hơi không khí ra ngoài môi trường

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom nước mưa: Hệ thống thu gom nước mưa là mương kín được xây dựng bằng bê tông với kích thước 0,6 x 0,8 xung quanh nhà xưởng, hệ thống này đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên đường nhựa DX 062. (2 vị trí hố ga thu gom nước mưa). *(Sơ đồ thoát nước mưa đính kèm phụ lục).*

- Trong khuôn viên Khu nhà xưởng đã có hệ thống thu gom nước mưa và nước thải tách riêng, nước mưa được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường DX 062 sau đó đầu nối vào Khu liên hợp- Công nghiệp – Dịch Vụ - Đô thị Bình Dương.

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải: nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính Ø114mm và đường ống dẫn ra mương hố ga có Ø150 dẫn về bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt sau xử lý qua bể tự hoại sẽ theo đường cống xây dựng bằng bê tông cốt thép có đường kính D 960 dẫn ra đường thoát nước thải chung của khu vực nằm trên đường DX 062 (1 vị trí hố ga thu gom nước thải) thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung của Công ty CP Tân Thanh, nước thải sau xử lý đầu nối vào Khu liên hợp- Công nghiệp – Dịch Vụ - Đô thị Bình Dương.

✓ Nước thải sinh hoạt

Theo hóa đơn nước hiện tại Công ty đang sử dụng thì lưu lượng nước sinh hoạt trung bình công ty sử dụng khoảng 255 m³/tháng hay 9,8 m³/ngày. Trong

đó, nước thải từ bể xí và âu tiêu, rửa tay chân với lưu lượng 9 m³/ngày và nước thải từ hoạt làm mát nhà xưởng, làm mát đế giày với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày. Để đánh giá được thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, báo cáo tạm tham khảo số liệu từ “Giáo trình công nghệ xử lý nước – Trần Văn Nhân và Ngô Thị Nga”. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng cho nước thải sinh hoạt như sau:

Bảng 3. 1. Tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt

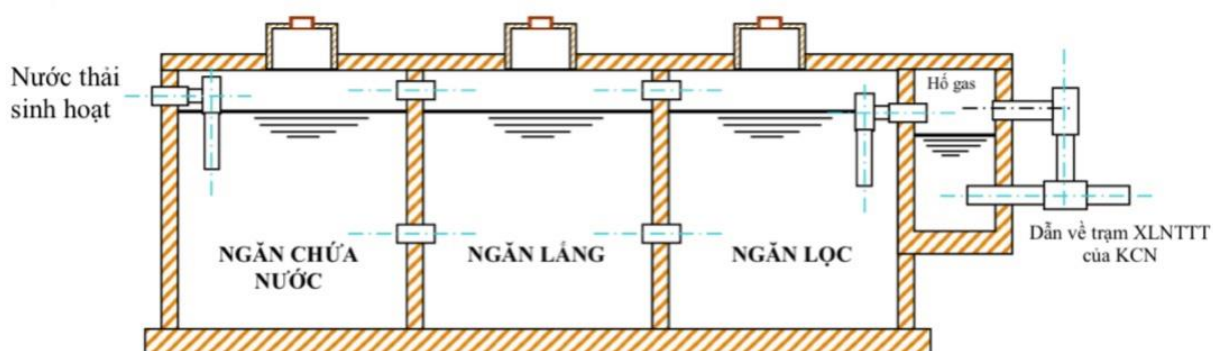
Stt	Chất ô nhiễm	Nồng độ trung bình (mg/l)	QCVN 40:2011/BTNMT, A
1	pH	6,8	6 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	220	50
3	Tổng chất rắn (TS)	720	-
4	COD	500	75
5	BOD	250	30
6	Tổng nito	40	20
7	Tổng Phospho	8	4
8	Tổng Coliform	10 ⁶ - 10 ⁷	3.000

(Nguồn: Trần Văn Nhân & Ngô Thị Nga, 1999, Giáo trình công nghệ xử lý nước thải, NXB Khoa học Kỹ thuật)

Như vậy, theo nồng độ của hầu hết các chất ô nhiễm trong nước thải từ nhà vệ sinh đều vượt giới hạn tiếp nhận nước thải. Lượng nước thải này chứa nhiều chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và đặc biệt là vi sinh vật gây bệnh. Hiện tại khu nhà xưởng thuê đã xây dựng hoàn thiện các bể tự hoại để tiền xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống đường ống thu gom đầu nối riêng cho nước thải sinh hoạt. Chi tiết kết cấu bể tự hoại, hệ thống thu gom được trình bày tại phần sau.

a. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh (âu tiêu, bể xí) với lưu lượng khoảng 9m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó được tiền xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo các bể như sau:



Hình 3. 1 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan. Kích thước cần thiết của bể tự hoại cho việc xử lý nước thải phát sinh từ dự án như sau:

$$W_{\text{bể}} = W_{\text{cặn}} + W_{\text{nước}}$$

$$W_{\text{nước}} = Q_{\text{vs}} \times K = 9 \text{ m}^3 \times 2,5 = 22,5 \text{ m}^3$$

(K: hệ số lưu lượng, K = 2,5)

$$W_{\text{cặn}} = a * N * t * (100 - P1) * 0,7 * 1,2 * (100 - P2)/100.000$$

- A: Lượng cặn lắng trung bình của 1 người, a = 0,4 – 0,5 l/người.ngđ.
- N: Số công nhân của dự án, N = 97 người
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 + 365 ngđ
- 0,7: Hệ số tính đến 30% giảm thể tích cặn đã được phân hủy
- 1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại bể tự hoại để lên men cặn
- P1: Độ ẩm của cặn tươi, P1 = 95%
- P2: Độ ẩm của cặn trong bể tự hoại, P2 = 90%

$$W_{\text{cặn}} = 0,4 \times 97 \times 180 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100-90)/100.000 = 1,46 \text{ m}^3.$$

$$\rightarrow W_{\text{bể}} = W_{\text{cặn}} + W_{\text{nước}} = 22,5 + 1,46 = 23,96 \text{ m}^3$$

Tại nhà xưởng đã xây dựng 4 bể tự hoại riêng biệt giữa văn phòng và khu công nhân kích thước mỗi bể tự hoại là 2m x 3,75m x 1m = 7,5m³. tổng thể tích các bể tự hoại là 30 m³.

Theo quyết định số 745/QĐ-STNMT ngày 26/09/2027 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho “Cụm nhà xưởng cho thuê Tân Thanh, diện tích 74.759,6 m²“, nước thải sinh hoạt từ các nhà xưởng sẽ xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại sau đó đầu nối toàn bộ vào hệ thống thu gom nước thải chung của nhà xưởng Tân Thanh.

Khu vực dự án đã có hệ thống thoát nước thải thoát ra đường ĐX 062. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của Công ty sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn được dẫn ra hồ ga gần nhà vệ sinh sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Tân Thanh tại khu C (công suất 80 m³/ngày.đêm) nước

thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước Khu liên hợp- Công nghiệp – Dịch Vụ - Đô thị Bình Dương.

✓ **Nước thải sản xuất:**

Chủ yếu phát sinh từ quá trình làm mát để giảm lượng nước này được tái sử dụng nhiều mới thải bỏ. Thành phần nước này chủ yếu có cặn lắng, lưu lượng khoảng 1m³/tuần và được thải vào đường thu gom nước thải dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Tân Thanh.

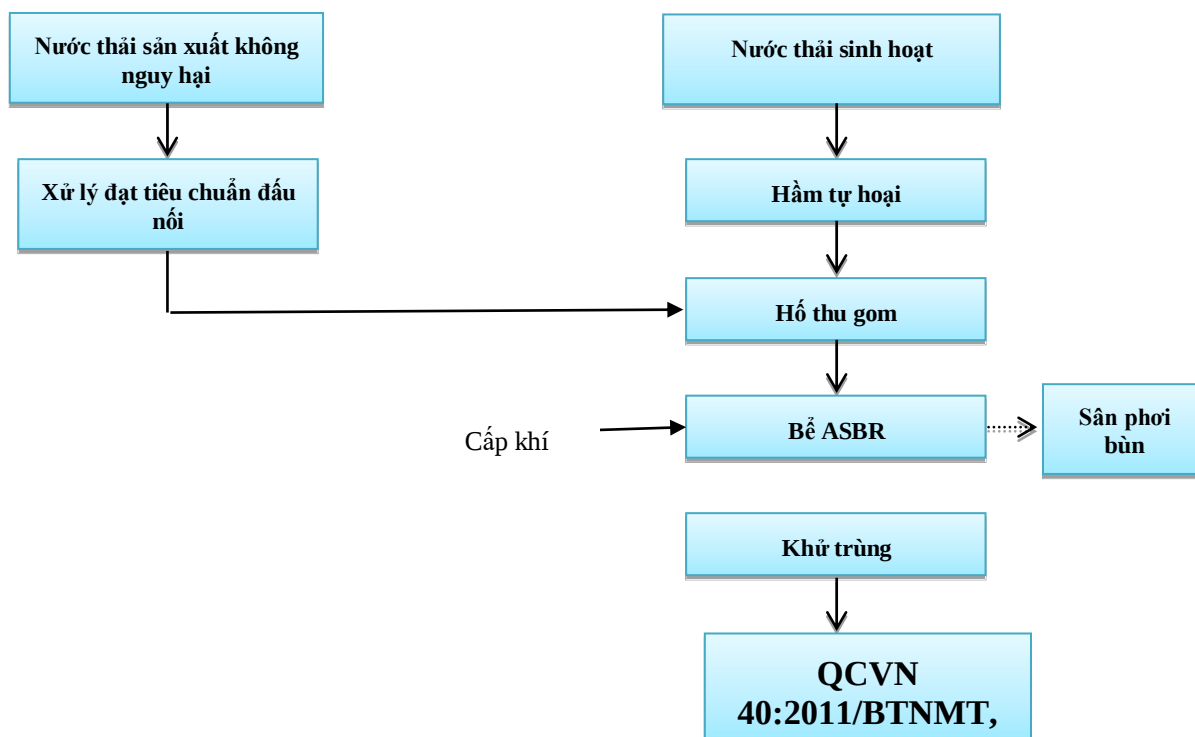
❖ **Ghi chú**

- Theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết Công ty có phát sinh nước thải từ công đoạn rửa để giảm khoảng 5 m³/ ngày và có đề xuất phương án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt với Công suất 18 m³/ngày.
- Tuy nhiên, từ năm 2016 cho đến nay Công ty không thực hiện công đoạn rửa để giảm nên Công ty không phát sinh nước thải sản xuất, đối với nước thải sinh hoạt Công ty đầu nối vào khu nhà xưởng cho thuê Công ty CP Tân Thanh tại nhà máy xử lý nước thải tại Khu C với công suất 80 m³/ngày.đêm.
- Do chủ đầu tư là người Trung Quốc đồng thời nhân sự Công ty thường xuyên thay đổi nên không theo sát hồ sơ môi trường đã được phê duyệt và không nắm rõ quy định về luật bảo vệ môi trường. Vì vậy Công ty chưa gửi Công văn lên cơ quan chức năng về sự thay đổi của nước thải sản xuất này nên mong Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hiện trạng này của Công ty.
- Nay, Công ty xin đăng ký trong hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường tình hình thực tế của Công ty là không phát sinh nước thải sản xuất từ công đoạn rửa để giảm.

Sơ đồ thoát nước thải được đính kèm phần phụ lục

1.3. Xử lý nước thải:

Công ty đã đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Tân Thanh tại Khu C với công suất 80 m³/ngày.đêm để xử lý với quy trình công nghệ như sau:



**Hình 3. 2 Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của khu nhà xưởng
Công ty Cổ phần Tân Thanh công suất 80 m³/ngày**
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Nguồn phát sinh khí thải Công ty Chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sau:

✓ **Phương tiện vận chuyển hàng hóa**

Gồm bụi và khí thải (NO₂, CO, SO₂...) phát sinh từ quá trình xe ra vào vận chuyển nguyên vật liệu, xe nâng vận chuyển hàng hóa trong nhà xưởng. Lượng bụi, khí thải này không liên tục và không nhiều nên cho phát tán tự nhiên trong không khí.

Các phương tiện giao thông (phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị, phương tiện đi lại của công nhân) ra vào nhà máy không chỉ gây ra sự xáo trộn, lồi cuốn bụi mặt đất mà quá trình sử dụng nhiên liệu để vận hành xe cũng phát sinh các nguồn ô nhiễm. Các phương tiện này sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu Diesel, quá trình vận hành các phương tiện này sẽ thải vào môi trường không khí một lượng khói thải có chứa các chất ô nhiễm như: bụi, NO_x, SO₂, CO. Theo số liệu về lượng máy móc thiết bị phục vụ cho giai đoạn vận hành của dự án

như được trình bày ở chương 1, mỗi ngày dự án cần 1 - 2 lượt xe tải loại 1,5 - 3 tấn để vận chuyển máy móc thiết bị để phục vụ việc lắp đặt.

Theo tài liệu “*Emission inventory manual*” của UNEP (2013), hệ số tải lượng các chất ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông trong giai đoạn vận hành như bảng sau:

Bảng 3. 2. Hệ số tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông

Loại phương tiện	Bụi (g/km)	SO ₂ (g/km)	NO _x (g/km)	CO (g/km)	VOC (g/km)
Xe tải hạng nhẹ (<3,5 tấn)	0,07	1,187	1,28	5,1	0,14

(Nguồn: UNEP, *Emission inventory manual*, 2013)

Quãng đường vận chuyển trung bình trong khuôn viên nhà máy là 250m, tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động của các phương tiện giao thông và vận chuyển như bảng sau:

Bảng 3. 3. Tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển.

Loại phương tiện	Bụi (g/ngày)	SO ₂ (g/ngày)	NO _x (g/ngày)	CO (g/ngày)	VOC (g/ngày)
Xe tải hạng nhẹ (<3,5 tấn)	0,035	0,5935	0,64	2,55	0,07

Xét nguồn đường ở độ cao gần mặt đất, gió thổi vuông góc với nguồn đường, khi đó nồng độ bụi trung bình tại một điểm bất kỳ trong không khí được xác định theo mô hình cải biên của Sutton như sau:

$$C = 0,8 \cdot E \{ \exp[-(z+h)^2/2\sigma_z^2] + \exp[-(z-h)^2/2\sigma_z^2] \} / (\sigma_z \cdot u) \quad (3-4)$$

Trong C - nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);

đó: E - nguồn thải (mg/m/s);

z - độ cao của điểm tính (m);

σ_z - hệ số khuếch tán theo phương z (m) là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi ; $\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$;

u - tốc độ gió trung bình (m/s), lấy u = 2,2 m/s;

h - độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5 m.

Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 1997, *Môi trường không khí*, NXB KH & KT, Hà Nội.

Kết quả tính toán nồng độ bụi theo khoảng cách (x) và độ cao (z) được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 4. Nồng độ các chất ô nhiễm phát tán trong không khí do hoạt động vận chuyển

Chất ô nhiễm	Khoảng cách x (m)	Nồng độ (mg/m ³)					QCVN 05:2013/BTNMT
		z = 0,5	z = 1	z = 1,5	z = 2	z = 3	
Bụi	5	0,273	0,265	0,373	0,259	0,25	0,3
	10	0,248	0,248	0,278	0,248	0,31	
	50	0,218	0,217	0,215	0,215	0,215	
	100	0,215	0,215	0,215	0,215	0,215	
NO _x	5	0,173	0,136	0,629	0,111	0,068	0,2
	10	0,122	0,112	0,491	0,104	0,085	
	50	0,060	0,060	0,194	0,060	0,059	
	100	0,049	0,049	0,130	0,049	0,048	
VOC	5	0,113	0,084	0,476	0,063	0,029	-
	10	0,072	0,064	0,366	0,057	0,042	
	50	0,023	0,023	0,129	0,022	0,022	
	100	0,014	0,014	0,079	0,014	0,014	
SO ₂	5	0,138	0,136	0,161	0,135	0,133	0,35
	10	0,136	0,135	0,154	0,135	0,134	
	50	0,132	0,132	0,139	0,132	0,132	
	100	0,132	0,132	0,136	0,132	0,132	
CO	5	5,342	5,305	5,799	5,279	5,236	30
	10	5,29	5,281	5,661	5,272	5,253	
	50	5,229	5,228	5,363	5,228	5,227	
	100	5,217	5,217	5,299	5,217	5,217	

Theo kết quả tính toán trong bảng trên cho thấy nồng độ tổng của các phương tiện vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT và quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT. Vì vậy, hoạt động

vận chuyển sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng môi trường và sức khỏe của công nhân viên tại các nhà máy lân cận.

✓ **Sản xuất đế giày**

- Bụi từ công đoạn sản xuất như: nạp liệu, cắt rìa, đóng gói sản phẩm. Bụi phát sinh nhiều nhất ở công đoạn máy đánh liệu có kích thước nhỏ. Công ty có biện pháp xử lý bụi ở công đoạn này. Bộ phận nghiền liệu được thiết kế khép kín hoàn toàn. Bụi phát sinh phần giao thoa giữa bộ phận nghiền và bộ phận nạp liệu nên lượng bụi phát sinh không đáng kể. Tuy vậy công ty có biện pháp không chế triệt để các nguồn gây ô nhiễm này.
- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, đóng gói thành phẩm. Đa số là bụi có kích thước nhỏ có khả năng bám dính bề mặt và phát tán ra ngoài môi trường. Công nhân lau chùi bề mặt máy móc và quét dọn hàng ngày.
- Mùi nhựa (etylen, Vinyl acetate) phát sinh từ công đoạn cán, ép nhựa cho phát tán ra ngoài không khí.
- Nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn cán, ép nhựa. Công ty sẽ lắp đặt thêm quạt công nghiệp tại khu vực này để làm mát và phát tán nhiệt ra ngoài

✓ **Sản xuất khuôn mẫu**

- Bụi phát sinh từ quá vận chuyển nguyên vật liệu, bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, đóng gói thành phẩm. Đa số là bụi có kích thước nhỏ có khả năng bám dính bề mặt và phát tán ra ngoài môi trường. Công nhân lau chùi bề mặt máy móc và quét dọn hàng ngày.
- Bụi kim loại phát sinh từ quá trình hàn, tiện thủ công bán thành phẩm, bụi có kích thước lớn có thể thu gom được. Tuy nhiên công đoạn này hoạt động không thường xuyên chỉ xử lý một vài chi tiết trên bề mặt kim loại và chỉ những sản phẩm bị lỗi mới thực hiện.
- Theo như đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt thì công đoạn sử dụng máy phay có phát sinh bụi. Hiện nay công ty sẽ sử dụng máy móc hiện đại và hạn chế được nguồn phát sinh này. Nên Công ty sẽ trình bày nguồn phát sinh bụi có khác nhau so với ĐABVMT chi tiết như sau:

Bụi phát sinh theo đề án đã phê duyệt	Bụi phát sinh theo hồ sơ xin cấp phép môi trường
Bụi kim loại có kích thước lớn không có khả năng phát tán ra xa, bụi kim loại có kích thước lớn và mảnh vụn kim loại bay ra với tốc độ lớn có thể bắn vào người rất nguy hiểm	Công ty sẽ sử dụng máy phay được điều khiển bằng lập trình CNC. Máy CNC hoạt động trong chu trình khép kín, hơn nữa trong quá trình phay máy có sử dụng dầu cắt biến thành tia trên đầu máy khoan vì thế bụi kim loại sinh ra cùng dầu cắt thừa sẽ tự động di chuyển xuống khoan chứa bụi của máy. Sau 1 ngày làm việc công nhân sẽ mở nắp và thu gom phần kim loại này, lưu trữ cùng chất thải nguy hại
Đề xuất lắp đặt thiết bị lọc túi vải để xử lý bụi	Không cần lắp đặt thiết bị túi vải

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Công ty sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu DO (loại chất đốt hầu như cháy hoàn toàn và ít gây ô nhiễm) sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khí thải chứa các chất chủ yếu là CO, SO₂, NO_x, Hydrocarbon, bụi...

Các chất ô nhiễm trong khí thải từ phương tiện giao thông ra vào công ty là không lớn. Mặt khác, đây là một nguồn gây ô nhiễm không khí không tập trung, không cố định mà phân tán, lưu lượng lưu thông tương đối thấp, không phải là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí khi dự án đi vào hoạt động.

Biện pháp xử lý

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý:

Theo như Nguyên liệu sử dụng của Công ty chủ yếu là hạt nhựa EVA. Nhiệt độ thực tế ở công đoạn gia nhiệt hạt nhựa là 120⁰C, công đoạn ép khuôn là 150⁰C điều thấp hơn ngưỡng chịu nhiệt của hạt nhựa (230⁰) nên khả năng phát sinh khí thải từ các công đoạn này là rất thấp.

Qua kết quả phân tích mẫu ta thấy nồng độ các chất hữu cơ bay hơi điều nằm trong quy chuẩn cho phép phát sinh mùi không nhiều và có thể dùng các biện pháp như quạt thông gió, quạt công nghiệp giúp phát tán bay hơi không

khí ra ngoài môi trường. Công ty không lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý hơi dung môi phát sinh từ hạt nhựa.

Số lượng quạt hút đã lắp đặt:12

Đối với khu vực cán và ép nhựa có phát sinh nhiệt thừa, Công ty đặt thêm quạt công nghiệp để phân tán hơi nhiệt ra ngoài.

❖ Ghi chú

Theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty đã được phê duyệt thì Công ty có đề xuất lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi (THC, Styren) phát sinh trong quá trình gia nhiệt hạt nhựa và ép đế giày. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Công ty phát sinh hơi dung môi không đáng kể. Công ty có gửi Công văn đến Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xin không lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi. Công ty đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thống nhất phương án không lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi tại Công văn số 1417/STNMT-CCBVMT ngày 06/4/2018.

❖ Đối với bụi mịn phát sinh từ công đoạn đánh liệu hạt nhựa:

Công ty đã lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải để thu gom và xử lý:



Hình: Thiết bị lọc túi vải tại Công ty

❖ Thuyết minh quy trình:

Công ty lắp 1 thiết bị lọc túi vải gắn vào đầu chụp hút của máy đánh liệu. thiết bị này di động được có thể hút, lọc và thu gom những loại bụi thô và bụi mịn phát sinh trong nhà máy.

Nguyên lý thu hồi bụi là sự kết hợp giữa nguyên lý cyclone ly tâm và cường bức qua túi vải lọc, thiết bị có gắn quạt hút công nghiệp để hút bụi vào trong túi vải. Bụi giữ lại trong túi vải, không khí sạch thoát ra ngoài. Định kỳ công nhân vệ sinh lấy bụi ra khỏi túi vải với tần suất 1 tuần/lần.

Thông số của thiết bị lọc được thể hiện như sau:

Tên thiết bị	Công suất máy bơm	Chiều cao	Đường kính	Chiều dài đường ống
Lọc túi vải	4 kw	1.4m	10 cm	10 m

Theo kết quả đo đạc phân tích bụi tại Công ty, (mục 2 chương II) Thì kết quả điều đạt so với quy chuẩn cho phép QCVN 02:2019/BYT.

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1 Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động của công nhân bao gồm thức ăn thừa, bao bì đựng thức ăn, ... phát sinh khoảng 48 kg/ngày (ước tính mỗi người phát sinh khối lượng 0,5 kg/ngày).

Lượng rác sinh hoạt được thu gom, phân loại theo quy định của chính quyền địa phương và công ty đã trang bị 4 thùng rác có nắp đậy (thùng có thể tích 120 lít) tại sân Công ty, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý – Chi nhánh xử lý chất thải- Công ty CP nước môi trường Bình Dương.

(vị trí khu vực chứa rác thải sinh hoạt được đính kèm bản vẽ phần phụ lục)

Vị trí lưu trữ chất thải sinh hoạt như sau:

X	Y
11,05748	106,66144

3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh:

Bao gồm giấy vụn, giấy bìa carton, bao nylon, rìa đế giày, khuôn đế hư hỏng... lượng phát sinh khoảng 120 kg/tháng, được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3. 5 Khối lượng các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại công ty:

stt	Tên chất thải	Đơn vị	Số lượng
1	Giấy thải từ văn phòng	Kg/tháng	10
2	Bao bì ni lon	Kg/tháng	10
3	Đế giày hư hỏng, rìa đế giày	Kg/tháng	100
	Tổng		120

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

Ghi chú: rìa đế giày, đế giày hư hỏng công ty tận dụng tái chế lại cho quá trình ép khuôn. Không thải bỏ.

Biện pháp xử lý

Công ty chứa vào khu vực riêng bên ngoài nhà xưởng với diện tích khoảng 12 m². Công ty đã xây dựng mái che tại khu vực này để chống nước mưa.

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý – Chi nhánh xử lý chất thải- Công ty CP nước môi trường Bình Dương.

Vị trí lưu trữ chất thải công nghiệp như sau:

X	Y
11,05817	106,66186

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Nguồn phát sinh:

Lượng chất thải nguy hại tại Công ty phát sinh bao gồm giẻ lau từ bồn trộn liệu dính màu, giẻ lau dính hành phần nguy hại, ...

Bảng 3. 6 Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công ty

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 06 01	NH
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải dính thành phần nguy hại	Rắn	1.000	15 02 03	KS

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
3	Bao bì cứng bằng kim loại có dính thành phần nguy hại	Rắn	500	15 01 04	KS
4	Bao bì cứng bằng nhựa có dính thành phần nguy hại	Rắn	30	15 01 02	KS
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	70	13 02 07	NH
6	Dầu thủy lực thải khác	Lỏng	100	13 01 13	NH
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	12	20 01 33	NH
8	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 03 18	NH
9	Vụn kim loại dính hóa chất	Rắn	2.000	170409	KS
10	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Lỏng	0	100819	KS
Tổng cộng			3.732		

Nguồn: Công ty TNHH Bảo Xương

Biện pháp xử lý

Công ty đã phân loại chất thải nguy hại riêng biệt với rác thải công nghiệp thông thường và rác thải sinh hoạt theo quy định.

Công ty thu gom chứa vào thùng chứa có dán nhãn, thùng có nắp đậy và đặt tại một khu vực ngoài nhà xưởng với diện tích khoảng 12 m².

Khu vực chứa chất thải nguy hại của công ty:

Công ty cần bổ sung các thùng chứa có dung tích để chứa các thành phần khác nhau như sau:

- + Thùng chứa có dung tích 120 lít dùng để đựng các giẻ lau dính thành phần nguy hại
- + Thùng chứa có dung tích 100 lít dùng để đựng bóng đèn, hộp mực in thải
- + Các thùng đựng dầu thủy lực sau khi sử dụng được đậy kín và đặt trên palet gỗ (hoặc nhựa) sau đó giao lại cho nhà cung cấp.

(vị trí khu vực chứa rác thải nguy hại được đính kèm bản vẽ phần phụ lục)

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý – Chi nhánh xử lý chất thải- Công ty CP nước môi trường Bình Dương (đính kèm phụ lục).

Vị trí lưu trữ chất thải nguy hại như sau:

X	Y
11,05748	106,66183

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có);

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

❖ Nguồn phát sinh

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của xe nâng và phát sinh trong quá trình vận chuyển của các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào công ty. Mức ồn của các phương tiện giao thông được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại xe	Tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT	
			6h-21h (dBA)	21h-6h (dBA)
1	Xe vận tải	93	70	55
2	Xe mô tô 4 thì	94		

Nguồn: Tổ chức FHA (Federaw highway administration), Mỹ, 1999)

Nhận xét: Hầu hết các chỉ tiêu tiếng ồn tại khu vực thông thường đều vượt so với QCVN 26:2010/BTNMT. Tuy nhiên đây là nguồn ồn phát sinh không liên tục và phát sinh trong khu nhà xưởng, chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân hoạt động trong công ty và các dự án lân cận.

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất: tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu từ quá trình phối trộn nguyên liệu, ép nhựa trong quá trình sản xuất giày dép và công đoạn phay, bào, khoan của quá trình sản xuất khuôn mẫu. Tuy nhiên theo tham khảo của các công ty hoạt động cùng ngành nghề thì tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép QCVN 24:2016/BYT dao động từ 75-80 dBA. Tiếng ồn nếu vượt quy chuẩn cho phép sẽ có một số ảnh hưởng nhất định lên cơ thể người như sau:

Stt	Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu thay đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130-135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác, cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Chịu đựng lâu dài sẽ bị thủng màng nhĩ
9	160	Tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả lâu dài

(Nguồn: *Enviromental technology series*, 1993)

Độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của máy móc

Vì vậy trong quá trình hoạt động Công ty sẽ có một số biện pháp nhằm giảm thiểu tiếng ồn và độ rung được thể hiện nội dung phía dưới.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của dự án.

Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (cụ thể: thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc thiết bị hư hỏng,...).

Các chân đế, bệ máy móc (nếu lắp đặt thêm thiết bị mới) cần được gia cố bằng bê tông chất lượng cao, lót đế bằng cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.

Tiếng ồn từ xe vận chuyển được kiểm soát bằng việc không chờ quá tải và hạn chế bóp còi trong khu vực nhà xưởng của Công ty.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:

QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

➤ **Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động**

Công nhân thực hiện đúng tác phong công nghiệp; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động.

Công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải phải được tập huấn những kỹ năng của nhà cung cấp để vận hành tốt hệ thống.

➤ **Biện pháp phòng tránh tai nạn điện**

Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần...để không bị điện giật chết người.

Dây điện phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chạm chập, phát hỏa trong nhà.

➤ **Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Công ty đã tiến hành thiết kế hệ thống báo cháy và chữa cháy. Hệ thống chữa và báo cháy được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

➤ **Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt**

Công ty áp dụng các biện pháp khống chế như sau:

Khu vực nhà xưởng được chống nóng bằng hệ thống quạt thông gió cục bộ. Lắp đặt máy điều hoà nhiệt độ cho khu vực văn phòng. Chủ dự án trang bị thêm các quạt công nghiệp, quạt hộp và quạt hút gió, đảm bảo duy trì nhiệt độ trong xưởng vào mùa khô 27-30 °C và tốc độ gió tại khu vực làm việc của công nhân: 1-1,5m/s.

Đối với khu vực ép đế giày có nhiệt độ tương đối cao, tại khu vực này Công ty trang bị thêm quạt công nghiệp để phát tán lượng nhiệt ra ngoài, nhà xưởng cao ráo cửa sổ thông thoáng.

Phun nước sân bãi giảm hơi nóng do xe vận chuyển ra vào cơ sở nhất là vào mùa nắng.

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Công ty không thuộc trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nên công ty không đánh giá nội dung này.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)

Các nội dung thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã cấp như sau:

stt	Nội dung đề án chi tiết đã cấp	Nội dung xin cấp giấy phép môi trường
1	Quá trình rửa đế giày có phát sinh nước thải sản xuất 5 m ³ /ngày và đề xuất xây dựng HTXLNT đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào HTXLNT công ty CP Tân Thanh	Không phát sinh nước thải sản xuất công đoạn rửa đế giày
2	Khí thải hơi dung môi từ nhựa đề xuất xây dựng hệ thống xử lý hơi dung môi	Mùi nhựa phát sinh không đáng kể nên không đề xuất xây dựng hệ thống xử lý hơi dung môi
3	Quá trình làm sạch khuôn không có nước tách, không phát sinh giẻ lau	Quá trình làm sạch khuôn có sử dụng nước tách: nước này được phun 1 lượng vừa đủ vào khuôn không phát sinh ra ngoài, phát sinh giẻ lau thu gom chung với chất thải nguy hại
4	Chất thải nguy hại phát sinh ít	Chất thải nguy hại phát sinh giẻ lau thu gom với chất thải nguy hại khoảng 1.000 kg/năm. Vụn kim loại chứa thành phần nguy hại.
5	Không có	Máy nén khí có phát sinh dầu thủy lực thừa lượ lượng 1 lít/tuần
6	Sản xuất khuôn mẫu công đoạn phay có phát sinh bụi kim loại ra ngoài môi trường. Công ty Đề xuất thiết bị lọc bụi túi vải	Sản xuất khuôn mẫu công đoạn phay có phát sinh bụi kim loại trong chu trình khép kín không phát sinh bụi ra ngoài. Công ty không đề xuất thiết bị lọc bụi túi vải.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Stt	Công trình chất thải	Nội dung thực hiện	Diện tích (m ²)	Tiến độ thực hiện
1	Khu chứa chất thải nguy hại, thiết bị chứa CTNH	Có mái che có nền chống thấm, phân loại các chất thải	12	Đã hoàn thành

2	Khu chứa chất thải công nghiệp	Có mái che có nền chống thấm	12	Đã hoàn thành
3	Thùng chứa rác thải sinh hoạt	4 thùng		Đã thực hiện
4	Thiết bị lọc bụi túi vải	1 cái		Đã lắp đặt

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

Công trình xử lý nước thải của dự án là bể tự hoại tiền xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu nhà xưởng Công ty CP Tân Thanh. Theo điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì bể tự hoại thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Do đó với hoạt động của cơ sở không có công trình xử lý nước thải. Vì vậy dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Theo như phân tích ở trên thì chất lượng khí thải của Công ty phát sinh có hơi dung môi không đáng kể có thể dùng các biện pháp quạt hút, quạt công nghiệp phát tán khỏi nhà xưởng giúp thông thoáng nhà xưởng.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được thể hiện như sau:

Stt	Nguồn phát sinh	Tọa độ
1	Khu vực trộn liệu	X=11,331 ; Y=106,3945
2	Khu vực tạo hạt nhựa	X= 11,329; Y= 106,3940
3	Khu vực ép đế giày	X= 11,327; Y= 106,3942

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải đạt yêu cầu so với quy chuẩn cho phép QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Độ rung

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN

THÔNG THƯỜNG

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án như sau:

Bảng 4. 1 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Đơn vị	Số lượng
1	Giấy thải từ văn phòng	Kg/tháng	10
2	Bao bì ni lon	Kg/tháng	10
3	Đế giày hư hỏng, rìa đế giày	Kg/tháng	100
	Tổng		120

Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho: 10m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ có tường bằng tôn, khung thép, nền bê tông để chống thấm; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2. Chất thải sinh hoạt

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khoảng phát sinh khoảng 48 kg/ngày.

Công ty trang bị các thùng chứa có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án như sau:

Bảng 4. 2 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 06 01	NH
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải dính thành phần nguy hại	Rắn	1.000	15 02 03	KS
3	Bao bì cứng bằng kim loại có	Rắn	500	15 01 04	KS

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
	dính thành phần nguy hại				
4	Bao bì cứng bằng nhựa có dính thành phần nguy hại	Rắn	30	15 01 02	KS
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	70	13 02 07	NH
6	Dầu thủy lực thải khác	Lỏng	100	13 01 13	NH
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	12	20 01 33	NH
8	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 03 18	NH
9	Vụn kim loại dính hóa chất	Rắn	2.000	170409	KS
10	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Lỏng	0	100819	KS
Tổng cộng			3.732		

Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được chứa trong thùng nhựa composite, có dán mã số phân loại, có nắp đậy.

Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 01 kho diện tích 12 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn kho cao, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che kín nắng mưa và che chắn cho toàn bộ chất thải nguy hại. Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại phải được trang bị như sau: thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có chức năng.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Bảng 5. 3 kết quả quan trắc nước thải năm 2021

stt	Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 4	QCVN 40:2011/BTNMT (B)
1	Ph	6,22	6,01	6,5	5,5-9
2	TSS	28	66	18	100
3	COD	43	98	55	150
4	BOD	26	40	25	50
5	Tổng N	12,4	17,7	9,36	40
6	Tổng P	1,86	2,93	0,72	6
7	Coliform	4.300	3.300	3.500	5.000

Kết luận: các chỉ tiêu nước thải đều đạt so với quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Bảng 5. 4 kết quả quan trắc khí thải năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Quý 1		Quý 2		Quý 4		QCVN 03:2019/BYT
		Kv1	Kv2	Kv 1	Kv 2	Kv 1	Kv 2	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc
1	Nhiệt độ	31,3	31,8	31,2	31,5	31,8	-	32
2	Độ ẩm	64,1	62,8	64,1	63,9	69,8	-	40-80
3	Tốc độ gió	0,4	0,4	0,7	0,5	-	-	0,2-1,5
4	Tiếng ồn	36	76	79	75	85	82	85
5	Bụi toàn phần	0,46	0,35	0,39	0,41	0,48	0,3	6,25
6	CO	3,08	3,22	3,05	3,69	3,16	3,08	15,625
7	SO ₂	0,08 3	0,07 4	0,08	0,093	0,77	0,08	3,90625
8	NO ₂	0,03	0,04	0,051	0,075	0,39	0,032	3,90625

		2	0					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

Ghi chú: khu vực 1: khu vực đồ liệu

Khu vực 2: khu vực ép đế giày

Nhận xét: Các chỉ tiêu khí thải, bụi, tiếng ồn của nhà xưởng 1 (KV1) và nhà xưởng 2 (KV2) đều đạt so với quy chuẩn cho phép: QCVN 03:2019/BYT giá trị giới hạn cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 22:2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; QCVN 24:2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi. Chất lượng khí thải đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Kết quả quan trắc khí thải tại thời điểm thực hiện giấy phép môi trường được thể hiện ở mục 2 chương II

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

Công trình xử lý nước thải của dự án là bể tự hoại tiền xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu nhà xưởng Công ty CP Tân Thanh. Theo điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì bể tự hoại thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Do đó với hoạt động của cơ sở không có công trình xử lý nước thải. Vì vậy dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Theo như phân tích ở trên thì chất lượng khí thải của Công ty phát sinh có hơi dung môi không đáng kể có thể dùng các biện pháp quạt hút, quạt công nghiệp phát tán khỏi nhà xưởng giúp thông thoáng nhà xưởng.

Bụi xử lý bằng thiết bị lọc túi vải. chất lượng bụi phải đạt Quy chuẩn cho phép QCVN 02:2019/BYT.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: không áp dụng

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: không áp dụng

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

❖ - Quan trắc nước thải

Theo như được đánh giá và đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động tại chương 4, dự án nước thải sản xuất phát sinh không đáng kể, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Nước sinh hoạt được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải nội bộ của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty CP Tân Thanh. Do đó, dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

❖ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Theo khoản B điểm 4 điều 98 Công ty thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải như sau:

- Vị trí giám sát: khu vực giữa nhà xưởng
- + Chỉ tiêu giám sát: bụi
Tần suất: 2 lần/năm
- + Chỉ tiêu: etylen, vinyl acetate
Tần suất: 1 lần/năm
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 03:2019/BYT giá trị giới hạn cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 22:2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; QCVN 24:2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi., QCVN 20:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

❖ Quan trắc chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Đối tượng quan trắc: Chất thải thông thường và chất thải nguy hại
- Tần suất giám sát: hàng ngày.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, phương pháp thu gom, phân loại, thùng chứa hóa chất, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Căn cứ điều 97, 98 phụ lục XXIX, Phụ lục ban hành Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không áp dụng,

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

stt	Chất thải	Kinh phí (VNĐ)
1	Khí thải	10.000.000

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo Công ty chưa có đợt thanh tra kiểm tra và không có vi phạm về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

✓ *Đối với môi trường không khí*

Giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị và khí thải từ các phương tiện giao thông, phương tiện cơ giới.

Thực hiện biện pháp thông thoáng nhà xưởng bằng quạt hút, quạt thổi.

✓ *Đối với nước thải*

Đầu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu nhà xưởng.

✓ *Đối với chất thải rắn*

- Xây lắp, bố trí khu vực lưu chứa đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Giám sát chất thải và báo cáo định kỳ.

✓ *Phòng chống sự cố môi trường*

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như đã nêu ra trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Báo cáo với cơ quan chức năng trong trường hợp xảy ra sự cố ngoài khả năng kiểm soát của dự án.

✓ *Quản lý môi trường*

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các đơn vị chức năng trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành các hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

Đảm bảo hoàn thành các công trình xử lý ô nhiễm đã đề xuất trong quá trình hoạt động chính thức và đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã lắp đặt.

Chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu quy phạm các công ước Quốc tế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam khi xảy ra các sự cố môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Hợp đồng thuê xưởng
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
- Bản vẽ thoát nước mưa, nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

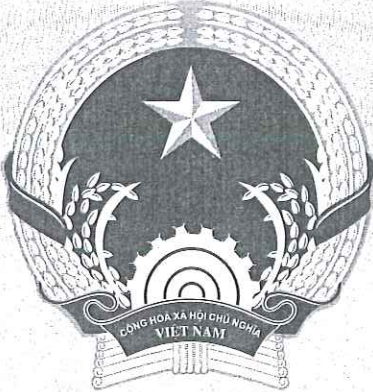
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất
Hộ Bà: Đặng Thị Mười
Năm sinh: 1956, CMND số: 280037504
Địa chỉ thường trú: Xã Tân Định, Huyện Bến Cát, Bình Dương.

BG 951924

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 153, tờ bản đồ số: 43
b) Địa chỉ: Xã Hòa Lợi, Huyện Bến Cát, Bình Dương
c) Diện tích: 6332,9 m², (bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm ba mươi hai phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 6332,9 m²; chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 6074,9 m², Đất trồng cây lâu năm 258,0 m²
e) Thời hạn sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: 10/2061; Đất trồng cây lâu năm:
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 6074,9 m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất diện tích 258,0 m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

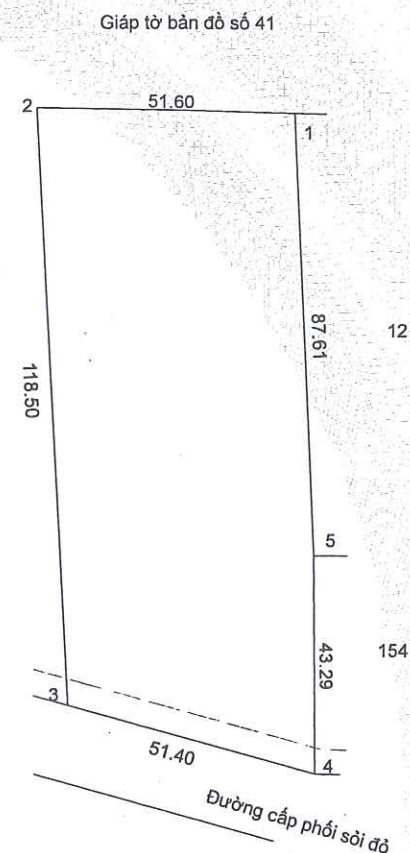
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thừa đất có 258 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường cấp phối sỏi đỏ.

Thừa 153 được hợp từ thửa 1, 2.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 6266 quyền số 07.....-SCT/BS

Ngày 17-05-2016 tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HÒA LỢI



Nguyễn Thị Chuyền

Bến Cát, ngày 12 tháng 10 năm 2011
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CÁT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Số vào sổ cấp GCN: CH03040

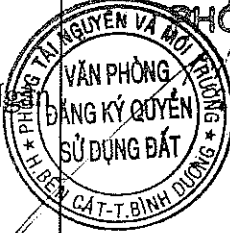
Hồ Phương Nam

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất với NH đầu tư và Phát triển VN, hợp đồng số 926 ngày 06/02/2012 tại phòng công chứng Tân Uyên.	06/02/2012 PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TH. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG Nguyễn Kim Tuyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 153 **Tờ bản đồ số:** 43
Số phát hành GCN: BG 951924 **Số vào sổ cấp GCN:** CH 03040

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đăng ký thay đổi tên NH Đầu tư và Phát triển VN – CN Bình Dương thành NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bình Dương theo đơn yêu cầu ngày 26/7/2012. Đã xóa thế chấp Quyền sử dụng đất theo xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bình Dương ngày 26/7/2012./.	26/7/2012  PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT H. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG <i>Nguyễn Kim Tuyên</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2725/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 23 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Nhà máy sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày, công
suất 5.000.000 đôi/năm và khuôn mẫu, công suất 350.000 bộ/năm
tại khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Xương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày công suất 5.000.000 đôi/năm và khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm tại khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Xương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày công suất 5.000.000 đôi/năm và khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm tại khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Xương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 719/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày công suất 5.000.000 đôi/năm và khuôn mẫu công suất 350.000 bộ/năm được lập bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Xương với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của cơ sở: khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ngành nghề hoạt động: sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại; sản xuất gia công bảo trì khuôn mẫu.

1.3. Quy mô/công suất hoạt động: giày dép, linh kiện đế giày 5.000.000 đôi/năm; khuôn mẫu 350.000 bộ/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Trong thời hạn tối đa là ba (03) tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. Thời hạn vận hành thử nghiệm không quá sáu (06) tháng kể từ ngày ký Quyết định phê duyệt; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$);

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 03 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Lắp đặt máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

- Báo cáo bằng văn bản tiến độ thực hiện đề án chi tiết theo thời hạn quy định tại Mục 2.4 của Quyết định này đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra;

- Sau khi hoàn thành toàn bộ các công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

Điều 2. Báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện những thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 3. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty.

Điều 4. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, người đại diện pháp luật



của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Xương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận: ✓

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT, CT;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Công ty TNHH Bảo Xương;
- LĐVP (Nh, Lg); Tiếp, HCH;
- Lưu: VT/L

Số chứng thực..... Quyền số..... SCT/BS

Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Nam

Thái Hoàng Nam

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 1417 /STNMT-CCBVM
V/v thay đổi nội dung Đề án BVMT của
Công ty TNHH Bảo Xương

Bình Dương, ngày 06 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Bảo Xương

Phúc đáp văn bản số 01/ĐABVMT-2018 của Công ty TNHH Bảo Xương về việc thay đổi nội dung Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trả lời như sau:

- Công ty TNHH Bảo Xương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày, công suất 5.000.000 đôi/năm và khuôn mẫu, công suất 350.000 bộ/năm” tại Quyết định số 27259/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2015. Theo đó, hơi nhựa phát sinh từ công đoạn gia nhiệt hạt nhựa và ép đế giày được Công ty đăng ký, cam kết thu gom, xử lý hấp phụ qua than hoạt tính trước khi thải qua ống thải ra môi trường. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đề nghị được thay đổi biện pháp xử lý hơi nhựa nêu trên, cụ thể: không thu gom, xử lý hơi nhựa bằng phương pháp hấp phụ qua than hoạt tính trước khi thải ra môi trường.

- Theo văn bản giải trình của Công ty thì nguyên liệu sử dụng của Công ty chủ yếu là hạt nhựa EVA (Ethylene Vinyl Acetate). Nhiệt độ vận hành thực tế của công đoạn gia nhiệt hạt nhựa (khoảng 120°C) và công đoạn ép đế (từ 167-169°C) đều thấp hơn ngưỡng chịu nhiệt của hạt nhựa (khoảng 230°C) nên khả năng phát sinh khí thải từ các công đoạn này là rất thấp. Qua xem xét cho thấy với nguyên liệu và công nghệ sản xuất như trên thì các hợp chất hữu cơ bay hơi phát sinh từ công đoạn gia nhiệt và ép đế giày là không lớn và có thể dùng các biện pháp sử dụng quạt thông gió để thông thoáng nhà xưởng tạo môi trường làm việc không bị ô nhiễm. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với đề nghị của Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, yêu cầu Công ty phải thực hiện tốt các giải pháp thông thoáng nhà xưởng, định kỳ đo đạc, kiểm tra các thông số etylen, vinyl acetat và VOC trong môi trường không khí khu vực sản xuất. Trường hợp phát hiện hàm lượng etylen, vinyl acetat và VOC trong môi trường không khí cao, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân thì phải có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời. Đồng thời, nếu Công ty có thay đổi về vị trí, quy mô, công suất hay công nghệ sản xuất của nhà máy phải báo cáo và chỉ được thực hiện sự thay đổi đó sau khi có ý kiến chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Bảo Xương để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhlen3.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH TÂN THANH.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 72/3 khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3700605969 đăng ký lần đầu ngày 02/8/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/4/2013 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng các công trình Nhà Kho - xưởng của Công ty TNHH Tân Thanh.

- Tổng số công trình: 02 công trình.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT(00-8A); KC(01-08); TN(01-03); PC(01-05).

- Do: Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước thuộc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thương mại Hoàng Triều.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại thửa đất số 153; Tờ bản đồ số 43; Tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát (nay là phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 64,33%, hệ số sử dụng đất: 0,69.

+ Chỉ giới đường đỏ theo quy định: 12,5m tính từ tim đường cấp phối sỏi đỏ.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 23,21m tính từ tim đường cấp phối sỏi đỏ đến chân công trình nhà xưởng.

2.1. Nhà xưởng:

- Diện tích xây dựng: 3.822m².

- Cốt nền công trình: ±0,00m cao hơn 0,2m so với cốt sân.

- Chiều cao công trình: 14,1m tính từ cốt sân. Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng, cột bằng bê tông cốt thép; Tường xây gạch, sơn nước phía trên ốp tôn; Vì kèo, xà gồ bằng thép, mái lợp tôn. Nền bê tông. Cửa sắt.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

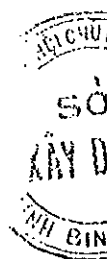
1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm.....

GIÁM ĐỐC



ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

a) Đồng ý cho Công ty Cổ phần Tân Thanh được phép điều chỉnh giấy phép xây dựng số 1294/GPXD-SXD ngày 17/7/2014 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp (Công ty Cổ phần Tân Thanh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tân Thanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3700605969 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 9 năm 2014).

b) Nội dung điều chỉnh:

- Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THANH.

- Nhà xưởng: Diện tích xây dựng: 3.712,8m².

- Nhà Văn phòng:

+ Tổng diện tích sàn: 832,32m². Trong đó: Tầng 1: 244,8m²; Tầng 2: 293,76m²; Tầng 3: 293,76m².

+ Chiều cao toàn công trình 1: 12,05m tính từ cốt sân.

+ Số tầng: 03 tầng.

c) Các nội dung khác không thay đổi theo Giấy phép xây dựng số 1294/GPXD-SXD ngày 17/7/2014 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 5/11/2014./.

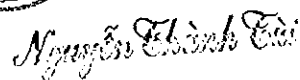
Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, Ng.

Bình Dương, ngày 8 tháng 11 năm 2014



GIÁM ĐỐC 





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3702346646

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 03 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 05 năm 2016

*(Cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư số
461043000907, từ ngày 30/5/2016)*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẢO XƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO XUONG LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAO XUONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, Khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.3589806

Fax: 0650.3589806

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 6.600.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng

tương đương 300.000 USD (Ba trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: CHEN CHANGHE

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/12/1971

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: G41679506

Ngày cấp: 29/04/2010

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Trung Thôn, huyện Trung Phương, thành phố Hoài Hóa, tỉnh Hồ Nam, TRUNG QUỐC

Chỗ ở hiện tại: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, Khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHEN CHANGHE

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1971

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: G41679506

Ngày cấp: 29/04/2010

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Trung Thôn, huyện Trung Phương, thành phố Hoài Hóa, tỉnh Hồ Nam, TRUNG QUỐC

Chỗ ở hiện tại: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, Khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Mai Bá Trước

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3221555266

Chứng nhận lần đầu: ngày 05 tháng 3 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 14 tháng 7 năm 2016

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định 50/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 461043000907 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2015.

Xét văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện CÔNG TY TNHH BẢO XƯỞNG nộp ngày 08 tháng 7 năm 2016.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP, LINH KIỆN ĐÉ GIÀY VÀ KHUÔN MẪU; Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2015

được đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nhà đầu tư:

Ông CHEN CHANGHE; sinh ngày 22 tháng 12 năm 1971; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số G41679506; cấp ngày 29 tháng 4 năm 2010; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Trung Quốc; địa chỉ thường trú thôn Trung Thôn, huyện Trung Phước, thành phố Hoài Hóa, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc; nơi ở hiện nay khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH BẢO XƯỞNG, mã số doanh nghiệp 3702346646 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2015; chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 5 năm 2016.



Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP, LINH KIỆN ĐÉ GIÀY VÀ KHUÔN MẪU.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công giày dép, linh kiện đế giày các loại; sản xuất, gia công bảo trì khuôn mẫu.

3. Quy mô dự án:

Quy mô: - Giày dép: 5.000.000 đôi/năm.

- Khuôn mẫu: 350.000 bộ/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích nhà xưởng sử dụng cho dự án: 4.500m². Nhà đầu tư thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Tân Thanh để thực hiện dự án.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 6.600.000.000 (Sáu tỷ sáu trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 300.000 (Ba trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 6.600.000.000 (Sáu tỷ sáu trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 300.000 (Ba trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Ông CHEN CHANGHE: 6.600.000.000 (Sáu tỷ sáu trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 300.000 (Ba trăm nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp

Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015.

Thời hạn thuê nhà xưởng để thực hiện dự án là 5 (năm) năm, kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đã hoạt động ổn định.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.



Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà đầu tư có trách nhiệm chấp hành các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo Nghị định số Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKH ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không thực hiện việc điều chỉnh dự án đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp doanh nghiệp/Nhà đầu tư không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thường kỳ theo quy định;

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương các Biểu mẫu liên quan đến doanh nghiệp được quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

d) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định hiện hành pháp luật Việt Nam.

Điều 4:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy định tại Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000907 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2015.

Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

**GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**



Nguyễn Thanh Trúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN THANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/2017-XLNT

Bình Dương, ngày 02 tháng 10 năm 2017

HỢP ĐỒNG TRÁCH NHIỆM

Về việc yêu cầu đầu nổi nước thải giữa Công ty TNHH Bảo Xương
và Công ty Cổ phần Tân Thanh

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ vào quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Cụm nhà xưởng cho thuê Tân Thanh” số 745/QĐ-STNMT ngày 29/06/2017 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp;

Căn cứ vào hợp đồng đã ký giữa hai bên;

Căn cứ năng lực xử lý nước thải và yêu cầu xử lý nước thải của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tân Thanh, chúng tôi gồm có:

I. Bên nhận xử lý nước thải: (Bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THANH

- Đại diện: bà Huỳnh Nhật Huyền Châu Chức danh: Giám đốc
- Địa chỉ: 72/3 Khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- STK: 65010000020583 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương.
- Mã số thuế: 3700605969 do Sở Kế hoạch Đầu tư Bình Dương cấp.
- Điện thoại: 0274.351.4477 Fax: 0274.358.9722

II. Bên thoát nước: (Bên B)

CÔNG TY TNHH BẢO XƯƠNG

- Đại diện: Ông ..CHEN..CHANGHE Chức danh: Giám đốc
- Địa chỉ: KP Phú Hòa, P Hòa Lợi, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- STK: ...65010000020585... tại Ngân hàng ...BIDV... Chi nhánh... Bình Dương
- Mã số thuế: 3702346646
- Điện thoại: 0274.5589.800..... Fax: 0274.5589.807.....

Hai bên đã thống nhất thỏa thuận hợp đồng trách nhiệm giữa 2 bên với những điều khoản và điều kiện quy định như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A nhận xử lý nước thải của bên B từ bên B vào hệ thống cống thu gom nước thải dẫn đến hệ thống xử lý nước thải công suất 80m³/ngày.đêm của bên A để tiếp tục xử lý đạt

quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

Điều 2: Điểm đầu nối

2.1. Bên A đã xây dựng điểm đầu nối (hố ga đầu nối) tại vị trí gần nhà vệ sinh của từng Nhà máy theo đúng Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16/06/2016 của UBND tỉnh Bình Dương.

2.2. Hố ga đầu nối sẽ được bên A quản lý để tiện phục vụ cho việc kiểm tra chất lượng và lưu lượng nước thải của bên B.

Điều 3: Chất lượng dịch vụ

3.1. Nước thải sinh hoạt của bên B phải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Tân Thanh công suất $80m^3/ngày.đêm$.

3.2. Đối với nước thải khác, bên B phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của bên A trước khi xả thải vào hệ thống xử lý nước thải công suất $80m^3/ngày.đêm$ của Công ty Cổ phần Tân Thanh.

Điều 4: Trách nhiệm của bên A

4.1. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải của bên B đạt tiêu chuẩn loại A theo quy định (theo QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp với $K_q=0,9$, $K_f=1,1$) trước khi cho thải vào hệ thống thoát nước của Đường DT 741.

4.2. Đảm bảo các hóa đơn chứng từ cho bên B. Phát hành thông báo thu phí không chậm quá năm ngày làm việc đầu tiên hàng tháng cho bên B.

4.3. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của bên B khi bên B không thực hiện việc thanh toán được quy định trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày phát hành thông báo thu phí.

4.4. Bên A có quyền kiểm tra định kỳ và đột xuất các chỉ tiêu đầu ra nước thải của bên B cũng như tất cả các vấn đề liên quan đến lĩnh vực môi trường theo các quy định pháp luật do các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ban hành và quy định Bảo vệ môi trường do bên A ban hành.

Điều 5: Trách nhiệm của bên B

5.1. Phải đảm bảo nước thải được thu gom xử lý theo Điều 3.

5.2. Trong quá trình hoạt động nếu các chỉ tiêu đầu ra nước thải của bên B vượt tiêu chuẩn như Điều 3 làm ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm xử lý kịp thời để không gây ảnh hưởng đến thiết bị của hệ thống xử lý nước thải của bên A.

5.3. Nếu bên B không tạo điều kiện hoặc không hợp tác theo Điều 4.4 của hợp đồng này thì bên A có quyền từ chối tiếp nhận nước thải của bên B.

5.4. Thanh toán cho bên A các chi phí như quy định tại Điều 6.

Điều 6: Phí thoát nước và chi phí thanh toán

- Mức thu phí: $10.000 \text{ đồng}/m^3$ (chưa bao gồm VAT).

- Mức phí trên sẽ được điều chỉnh giá theo thời điểm.

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng

7.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

7.2. Hợp đồng sẽ hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a. Hai bên cùng thảo thuận chấm dứt;
- b. Bên B không thể tiếp tục hoạt động do bị truy cứu trách nhiệm làm tổn hại đến an ninh chính trị quốc gia Việt Nam;
- c. Trường hợp bất khả kháng mang tính khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên dẫn đến một bên hoặc hai bên không thể hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này;
- d. Hợp đồng cho thuê lại đất hết hiệu lực.

Điều 8: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng. Không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Nếu có khó khăn hay trở ngại, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu hai bên không giải quyết các khó khăn phát sinh thì vấn đề sẽ được đưa ra Tòa án tỉnh Bình Dương giải quyết. Phán quyết của Tòa án tỉnh Bình Dương là chung cuộc có hiệu lực đối với hai bên. Bên vi phạm phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến trình tự tố tụng.

- Các tài liệu kèm theo hợp đồng này gồm các văn bản có liên quan đến việc đấu nối.

- Hợp đồng này được lập thành 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHEN CHANG HE

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Nhật Huyền Châu



Số: 2253 - RTT/HĐ – KT/20

M01-OT18/XLCT

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của Công ty TNHH Bảo Xương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 11/04/2019) cho Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Bảo Xương theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702346646 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 1) ngày 30/05/2016.(cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000907, từ ngày 30/05/2016)

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2020 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BẢO XƯƠNG

Địa chỉ: Địa chỉ: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam..

Điện thoại: 02743.580806

Fax: 02743.580807

Mã số thuế: 3702346646

Do Ông/Bà: **CHEN CHANG HE**

Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Gia công khuôn đế giày.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-XLCT.NSQT, ngày 04 tháng 05 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: **02 lần/tuần** vào ngày thứ **03** và **06** hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại **Công ty TNHH Bảo Xương** (Địa chỉ: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, KP Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Tx Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng	500	400.000	800.000	1.200.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Ms Mỹ	khuuthieumy@gmail.com	0914.722.216

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3 Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không **bên** nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành **vi vi phạm** của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy **định** của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết **trên** tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh **chấp** thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa **án** là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua **kiện** chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì **hợp** đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp **đồng**.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì **hợp** đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*



CHEN CHANG HE



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Cường

Số: 2253 -RNH/HĐ – KT/20

HỢP ĐỒNG

M03-OT18/XLCT

V/v xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Bảo Xương

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 và phụ lục II – nội dung điều chỉnh đối với Giấy phép xử lý CTNH do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/07/2020 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.002.952.T, ngày 12 tháng 10 năm 2015 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Bảo Xương
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Bảo Xương theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702346646 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 1) ngày 30/05/2016.(cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000907, từ ngày 30/05/2016)

Hôm nay, ngày 21 tháng 11 năm 2020 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BẢO XƯƠNG

Địa chỉ: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3.580806

Fax: 0274 3.580807

Mã số thuế: 3702346646

Do Ông/Bà: **CHEN CHANG HE**

Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Gia công khuôn đế giày

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093, Tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02746.564528/29

Fax: 0274 3.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản 2: 0841000087337 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi Nhánh Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-XLCT.NSQT, ngày 04 tháng 05 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/tháng vào ngày thứ 02 tuần thứ 03 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Bảo Xương (Địa chỉ: Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 43, KP Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Tx Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	8.000	600.000
02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 06	Thiêu đốt/chôn	6.000	
03	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/Chôn	16.000	
04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	2.000	
05	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	2.000	
06	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt	2.000	
07	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Thiêu đốt	2.000	
08	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	
09	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Tẩy rửa	8.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Ms Mỹ	khuuthieumy@gmail.com	0914.722.216

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1– khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên B khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 10 năm 2022 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CHEN CHANG HE



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Thắng





CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN THANH

ĐC: Kp. Phú Hòa, P. Hòa Lợi, Tx. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: +84(650)3514477 - Fax: +84(650)3589722

Email: bd.tan THANH@gmail.com

HỢP ĐỒNG KINH TẾ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

Số: 04/2021 - HKT

- Căn cứ vào bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào luật thương mại 2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 03 năm 2021 tại Văn Phòng Cty Cổ Phần Tân Thanh;
Chúng tôi gồm:

Bên cho thuê (Bên A): Công ty Cổ Phần Tân Thanh

- Đại diện: Bà. Huỳnh Nhật Huyền Châu
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Thửa đất số 447, tờ bản đồ số 40, khu phố Phú Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: (0274) 3514477 Fax: 0274 - 3589722
- MST: 3700605969
- TK Ngân hàng: 65010000020583 tại Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển BD

Bên thuê (Bên B) Công ty TNHH Bảo Xương

- Đại diện: Ông. Chen ChangHe
- Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Quốc tịch: Trung Quốc - Hộ chiếu số: EJ2807799
- Ngày cấp hộ chiếu: Cấp ngày 28/02/2020 đến ngày 27/02/2030
- Địa chỉ: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 43, Khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Bình Dương.
- Điện thoại:
- MST: 3702346646
- TK Ngân hàng:

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng thuê và cho thuê nhà xưởng với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên B mong muốn thuê nhà, xưởng của Bên A cho mục đích, ý nghĩa được thể hiện tại Hợp Đồng này
2. Bên A đồng ý cho Bên B thuê nhà xưởng tại Khu phố Phú Hòa, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Bình Dương với diện tích và đơn giá như sau:

Diện tích:

Nội dung	Kích thước (m)	Tổng diện tích (m ²)	Tổng cộng (m ²)
Xưởng	98 x 40.8	3.998,4	3.998,4
Văn phòng (tầng 1)	40.8 x 6	244,8	832,32
Văn phòng (tầng 2)	40.8 x 7.2	293,76	
Văn phòng (tầng 3)	40.8 x 7.2	293,76	
Nhà vệ sinh	9.8 x 1.7	16,66	16,66

Giá thuê:

Xưởng số	Nội dung	Diện tích (m ²)	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Tổng cộng (USD)
1 2	Xưởng	3.998,4	2.2	8.796,5	10.810,6
	Văn phòng	832,32	2.4	1.997,5	
	Nhà vệ sinh	16,66	1.0	16,66	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm VAT và phí chuyển khoản ngân hàng (Bên thuê chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế và phí chuyển khoản này) và có thể thay đổi bởi bên cho thuê mà không cần báo trước.

3. Thời gian thuê: Thời gian cho thuê từ ngày 05/03/2021 đến 04/03/2030.

4. Đơn giá thuê Giá thuê ổn định từ 05/03/2021 đến 19/03/2022, sau đó sẽ thỏa thuận lại giá thuê. Hợp đồng có hiệu lực thanh toán kể từ ngày 05/03/2021.

ĐIỀU II: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

2.1/ Tổng giá trị hợp đồng là: 10.810,6 USD/tháng

(Bằng chữ: Mười ngàn, tám trăm mười đô la mỹ, sáu cent)

2.2/ Đặt cọc: 56.139,6 USD (chuyển từ hợp đồng cũ sang)

2.3/ Khoản tiền cọc này nhằm mục đích đảm bảo tài sản (nhà xưởng, văn phòng...) mà Bên B tiếp nhận từ Bên A, và có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán tiền thuê hàng tháng đúng tiến độ như quy định tại khoản 3.6 điều này.

- 2.4/ Đồng thời, khoản tiền cọc này cũng sẽ được Bên A sử dụng cho việc tu bổ, sửa chữa theo đúng nguyên trạng ban đầu như lúc Bên B đến thuê, trong trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều IV.
- 2.5/ Nếu Bên B không thuê nữa và muốn nhận lại tiền đặt cọc khi trả xưởng thì phải đạt đủ thời gian thuê như sau: trên 50% thời gian thuê, sẽ nhận được 50% số tiền đã đặt cọc, trên 70% thời gian thuê trở lên sẽ được nhận lại toàn bộ số tiền đã đặt cọc. Dưới 50% thời gian đã thuê Bên B sẽ không được nhận lại khoản tiền đã đặt cọc trên.
- 2.6/ Bên B thanh toán tiền thuê hàng tháng không chậm hơn ngày 10 (tây) mỗi tháng theo đơn giá thuê của hợp đồng trong thời gian thuê xưởng (tính theo tỷ giá ngân hàng BIDV 01 tây hàng tháng, phí chuyển tiền bên B chịu). Tiền điện, nước 20 tây hàng tháng. Quá hạn thanh toán Bên B sẽ chịu khoản tiền phạt chậm nộp 1%/ tháng cho Bên A.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 3.1/ Tạo điều kiện cho Bên B và nhân viên Bên B ra vào trụ sở, xưởng làm việc;
- 3.2/ Cho Bên B sử dụng chung hệ thống đường nội bộ hiện có;
- 3.3/ Trang bị cột chống sét ngoài các xưởng;
- 3.4/ Chuẩn bị mặt bằng bàn giao cho Bên B đúng kế hoạch;
- 3.5/ Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B khi nhận được thanh toán tiền thuê;
- 3.6/ Tạo điều kiện cho bảo vệ Bên B thực hiện nhiệm vụ;
- 3.7/ Tạo điều kiện về đăng ký an ninh hành chính tại khu vực cho Bên B;
- 3.8/ Cho phép Bên B được sử dụng chung bình biến thế, nhưng không quá 100KVA.

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM BÊN B

- 4.1/ Thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo điều II của hợp đồng;
- 4.2/ Thanh toán tiền điện, nước theo thực tế sử dụng cho Bên A (giá được tính căn cứ vào giá điện, nước hiện hành tại khu vực theo quy định của ngành điện, nước), hoặc trực tiếp thanh toán với ngành điện, nước;
- 4.3/ Tự trang bị hệ thống PCCC bên trong xưởng, lắp đặt thiết bị và quản lý công tác PCCC theo quy định, chấp nhận sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước;
- 4.4/ Giữ gìn vệ sinh bên ngoài nhà xưởng, nơi công cộng, không làm ảnh hưởng đến xưởng lân cận hay cảnh quan chung;
- 4.5/ Đóng góp sửa chữa đường, hệ thống điện nếu bị xuống cấp, hư hỏng;
- 4.6/ Phải có nội quy quản lý xưởng, quản lý cán bộ, công nhân khi vào, ra khu vực xưởng một cách khoa học và văn minh;
- 4.7/ Tự cam kết và thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định của Nhà nước. Sản xuất không gây ô nhiễm môi trường. Nếu vi phạm về ô nhiễm môi trường bị lập biên bản

xử phạt về ô nhiễm môi trường hoặc có biên bản kiểm tra nhắc nhở (không quá 2 lần) mà Bên B không có biện pháp khắc phục, thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm theo luật môi trường và không liên quan đến Bên A. Đồng thời, Bên A có quyền thanh lý hợp đồng mà không có bất kỳ sự ràng buộc pháp lý nào với Bên B, cũng như không chịu bất cứ thiệt hại nào của Bên B do việc thanh lý hợp đồng gây ra;

- 4.8/ Tự tổ chức bảo vệ an ninh, tài sản tại nơi sản xuất, làm việc;
- 4.9/ Mua bảo hiểm rủi ro tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- 4.10/ Trả lại nguyên hiện trạng như ban đầu cho Bên A khi chấm dứt hợp đồng. Nếu Bên B không thực hiện nhiệm vụ này, Bên A có toàn quyền sử dụng tiền đặt cọc của Bên B để tu bổ sửa chữa trả lại nguyên trạng các hạng mục ban đầu đã cho Bên B thuê;
- 4.11/ Không cho thuê lại xưởng với bất cứ hình thức nào mà không có sự đồng ý của Bên A, nếu Bên A phát hiện Bên B cho bên thứ 3 thuê mà không báo cho Bên A thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên A không hoàn lại số tiền mà Bên B đã đặt cọc cho Bên A.
- 4.12/ Không được làm thay đổi kiến trúc nhà xưởng thuê của Bên A trong suốt thời hạn thuê. Nếu có nhu cầu thay đổi phải đề nghị bằng văn bản cho Bên A xem xét và được chấp thuận trước khi thực hiện.
- 4.13/ Phải tu bổ, bảo dưỡng nhà xưởng định kỳ 2-3 năm 1 lần.
- 4.14/ Phải bố trí nơi vệ sinh cá nhân cho công nhân hợp lý, không được sử dụng các thiết bị PCCC để làm nơi vệ sinh, nếu bên A có bằng chứng chứng minh nhân viên, công nhân bên B sử dụng nước từ các thiết bị PCCC thì mức xử phạt bằng cách thu tiền phạt bằng tiền nước bên B sử dụng trong tháng đó.

ĐIỀU V: ĐIỀU KIỆN CHUNG

- 5.1/ Bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc theo tinh thần hợp tác giải quyết.
- 5.2/ Trong quá trình bên B thuê nhà xưởng gây ảnh hưởng, vi phạm các quy định của nhà nước làm ảnh hưởng đến khu nhà xưởng Tân Thanh nói riêng và xung quanh khu vực nói chung nhưng sau nhiều lần nhắc nhở và lập biên bản nhưng bên B vẫn không khắc phục thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thông báo cho bên B bằng văn bản và không phải hoàn trả lại tiền đặt cọc cho bên B.
- 5.3/ Khi ngành điện, nước thay đổi về giá thì bên A sẽ có thông báo cho bên B về việc điều chỉnh tăng giá dựa trên thông báo của cơ quan, chức năng về biểu giá mới thay đổi.
- 5.4/ Trong trường hợp Bên B muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo cho bên A trước 06 tháng và thực hiện đầy đủ trách nhiệm như quy định tại điều IV.

5.5/ Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản ghi trong hợp đồng này sẽ được hai bên thống nhất phát hành phụ lục hợp đồng.

5.6/ Trong trường hợp hai bên không tự thỏa thuận được mọi vấn đề nảy sinh liên quan đến hợp đồng này thì quyết định của tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là quyết định cuối cùng và ràng buộc cả hai bên. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại tòa án sẽ do bên thua kiện chi trả.

5.7/ Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



HÙYNH NHẬT HUYỀN CHÂU



CHEN CHANGHE